

CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC, GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, GIẢI PHÓNG NHÂN DÂN CỦA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HUY^(*)

Như chúng ta đều biết, khi Hồ Chí Minh - Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (ngày 5 - 6 - 1911, từ cảng Nhà Rồng thành phố Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh), khi 21 tuổi), trong hành trang của mình đã có truyền thống yêu nước nồng nàn và những tinh hoa văn hóa, trí tuệ Việt Nam; những giá trị tư tưởng tiến bộ của phương Đông và phương Tây tiếp thu được từ gia đình, quê hương, trường học và xã hội; những bài học thất bại của các cuộc đấu tranh của các bậc tiền bối, các bậc đàn anh cũng như của những người đồng đại trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Việc đi sang nước Pháp và các nước khác thuộc thế giới phương Tây nhằm “xem xét họ làm ăn ra sao” để rồi “trở về giúp đồng bào”⁽¹⁾ đã thể hiện tầm nhìn khác thường của một con người khác thường ngay từ tuổi thanh niên. Và, chúng ta hoàn toàn có thể hiểu được sự vui mừng, sung sướng của Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc khi tìm

thấy con đường cứu nước và giải phóng dân tộc chín năm sau khi rời khỏi Tổ quốc. Khi trả lời phỏng vấn của Sác lơ Fuốcnêô, phóng viên báo Nhân Đạo Pháp (ngày 15 - 7 - 1969), Hồ Chí Minh cho biết: trước khi tán thành đi theo Quốc tế Cộng sản, Người chưa biết đảng là gì, công đoàn là gì, càng không biết rõ chủ nghĩa xã hội khác chủ nghĩa cộng sản như thế nào, chưa đọc một tác phẩm nào của Lênin. Cho nên Người rất lúng túng trước các cuộc bàn cãi sôi nổi xảy ra những năm 1919 - 1920 trong nội bộ Đảng Xã hội Pháp về vấn đề có nên ở lại Quốc tế II hay tham gia Quốc tế III (tức Quốc tế Cộng sản - 1919 - 1943). Người cho biết: “Tôi biết rất ít về các vấn đề chính trị nhưng tôi muốn Tổ quốc tôi được giải phóng, các “dân tộc thuộc địa” được giải phóng... Tôi càng lúng túng vì trong các cuộc bàn cãi, người ta rất ít nói đến sự đoàn kết với các dân tộc thuộc địa. Nhưng đó lại là vấn đề mà tôi quan tâm hơn hết và do đó mà tôi đã tìm ra được con đường đúng. Khi tôi nêu câu hỏi: Ai khẳng định rõ ràng là mình đoàn kết với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức?” thì người ta trả lời: *Quốc tế thứ ba*. Rồi một đồng chí đưa cho tôi đọc *Luận cương về các vấn đề thuộc địa và dân tộc của Lênin* vừa đăng trên báo Nhân Đạo.

(*) Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia.

(1) Trần Dân Tiên. *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nxb. Văn học (in lần thứ chín), Hà Nội, 1989, tr. 11; *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*. Tập 1. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 46.

Bài đó khó hiểu, vì có những từ ngữ mà tôi không biết rõ. Nhưng tôi đọc đi đọc lại, và dần dần tôi hiểu ý nghĩa của nó một cách sâu sắc. Bản Luận cương làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi xúc động đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lênin”⁽²⁾.

Chúng ta thấy, ngay từ khi đi tìm đường cứu nước cũng như lúc tìm thấy con đường đúng để cứu nước và giải phóng dân tộc qua bản Luận cương của Lênin, cái động lực cũng như nhân tố quyết định trực tiếp vẫn chỉ là một: *Giải phóng dân tộc, độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào*. Chúng ta càng thấy rõ điều này qua bài “*Lênin và các dân tộc thuộc địa*” mà Hồ Chí Minh đã viết bốn ngày sau khi tham dự tang Lênin: “Họ - từ những người nông dân An Nam đến người dân săn bắn trong các rừng Dahômây - còn được biết rằng người lãnh tụ vĩ đại này sau khi giải phóng nhân dân mình, còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa. Người đã kêu gọi các dân tộc da trắng giúp đỡ các dân tộc da vàng và da đen thoát khỏi ách áp bức của tất cả bọn rumi: toàn quyền, công sứ, v.v... và để thực hiện mục đích ấy, Người đã vạch ra một cương lĩnh cụ thể”.

Có thể thấy, mọi ý nghĩ, mọi hành động của Hồ Chí Minh lúc đó, cũng như trong suốt cả cuộc đời, được biểu hiện chân thực

và trọn vẹn trong cái tên: NGUYỄN ÁI QUỐC.

Cũng từ đoạn văn trên, chúng ta thấy, đối với Hồ Chí Minh, bản Luận cương của Lênin, nói chung là chủ nghĩa Lênin là “cái cần thiết”, nói cách khác là một công cụ để cứu nước, giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của lý luận nhưng trước sau đều quan niệm rằng lý luận phải phục vụ lợi ích nhân dân, lợi ích dân tộc. Cái làm cho Hồ Chí Minh “xúc động đến phát khóc lên” chính là sự phát hiện ra “con đường giải phóng chúng ta”, là cái mà vì nó Hồ Chí Minh đã phải rời Tổ quốc đi khắp năm châu bốn biển tìm kiếm. Và, Hồ Chí Minh đã tiếp thu tinh thần của bản Luận cương của Lênin một cách hết sức sáng tạo. Hồ Chí Minh không bao giờ bắt lợi ích nhân dân, lợi ích dân tộc trước sau cứ phải phụ thuộc vào một lý luận. Khi cần thiết do có sự biến đổi của thực tế, sự đòi hỏi của thực tiễn thì Hồ Chí Minh bổ sung hoặc tự giải phóng khỏi những quan điểm lý luận đã trở nên không hoàn toàn thích hợp hoặc đã bị thực tế vượt qua, độc lập tự chủ xây dựng những quan điểm lý luận mới phù hợp với điều kiện thực tế đã biến đổi. Và, đây chính là cái hồn của phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh, là con đường đã dẫn đến sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Và, chúng ta hãy thử xem những điều gì trong bản Luận cương của Lênin đã gây ấn tượng mạnh mẽ đến như vậy đối với Nguyễn Ái Quốc. Bản Luận cương đó có những đoạn sau đây:

- “Phân biệt thật rõ rệt những dân tộc bị áp bức, phụ thuộc, không được hưởng quyền bình đẳng, với những dân tộc đi áp bức, bóc lột, được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi, để

⁽²⁾ Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 10. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980 - 1989, tr. 800.

đập lại sự lừa dối kiểu dân chủ tư sản đang che giấu việc tuyệt đại đa số nhân dân trên trái đất bị một thiểu số nhỏ bé những nước tư bản tiên tiến rất mực giàu có, nô dịch về mặt thuộc địa và tài chính, - sự nô dịch này là đặc điểm của thời đại tư bản tài chính và chủ nghĩa đế quốc”.

- “Điều quan trọng nhất trong chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa là phải làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản”.

- “Tất cả các đảng cộng sản phải trực tiếp ủng hộ các phong trào cách mạng của những dân tộc phụ thuộc hoặc không được hưởng đầy đủ quyền bình đẳng (chẳng hạn như Airolen, những người da đen ở Mỹ, v.v...) và các thuộc địa”.

- “Công nhân của một nước đang thống trị một dân tộc chậm tiến về mặt thuộc địa hoặc về mặt tài chính phải có nhiệm vụ trước tiên ủng hộ tích cực nhất phong trào giải phóng dân tộc ấy”.

- “Phải ra sức làm cho phong trào nông dân có được tính chất cách mạng nhất, bằng cách thực hiện sự liên minh chặt chẽ nhất giữa giai cấp vô sản cộng sản Tây Âu với phong trào cách mạng nông dân ở các nước phương Đông, ở các thuộc địa và nói chung ở các nước chậm tiến”⁽³⁾.

Chúng ta có thể thấy, trước hết, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy sự đồng cảm của Lênin với mình ở nhiều điểm quan trọng. Có thể

nói như vậy, bởi vì, ngay từ thời niên thiếu, Nguyễn Ái Quốc đã thấy rõ và rất đau xót trước cảnh thống khổ của nhân dân ta trong vòng nô lệ của chủ nghĩa thực dân, đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Chính vì thế mà Người ra đi tìm đường cứu nước. Bởi vì, trước khi đọc bản Luận cương của Lênin, trong gần mười năm, Người đã đi qua nhiều châu lục, tìm hiểu thực trạng đời sống và xã hội của hàng chục quốc gia, và qua cuộc hành trình đi vào thực tế đó, Người càng nhận rõ bộ mặt thật của chủ nghĩa thực dân và Người đã phê phán mạnh mẽ sự nô dịch, áp bức và bóc lột tàn bạo mà chủ nghĩa thực dân đã áp đặt lên đầu lên cổ nhân dân Việt Nam, cũng như nhân dân các nước thuộc địa khác; đã lên án mạnh mẽ sự bất bình đẳng, tình trạng dốt nát, đói nghèo mà chủ nghĩa thực dân cùng chế độ tư bản chủ nghĩa đã gây nên cho những người lao động da màu và da trắng ở các nước thuộc địa cũng như ở các nước tư bản tiên tiến lúc đó; đã thấy rõ bộ mặt bịp bợm, đạo đức giả của chủ nghĩa tư bản quốc tế do sự cự tuyệt Bản yêu sách đòi quyền tự do, dân chủ và bình đẳng dân tộc cho nhân dân Việt Nam mà Nguyễn Ái Quốc đã gửi cho Hội nghị Vécxay (18 - 6 - 1919).

Sau nữa, Nguyễn Ái Quốc đã nhìn ra lối thoát duy nhất của con đường cứu nước và giải phóng dân tộc Việt Nam sau khi những con đường bạo động và cải lương trên cơ sở những giá trị của chủ nghĩa phong kiến cũng như của chủ nghĩa dân chủ tư sản đều đã thất bại. Với sự thông minh và nhạy bén chính trị, Nguyễn Ái Quốc đã phát hiện con đường kết hợp cách mạng Việt Nam với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là con đường duy

⁽³⁾ V.I. Lênin. *Toàn tập*. Tập 41. Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, tr. 198, 199, 202, 203, 204.

nhất còn lại và quan trọng, là con đường duy nhất đúng, có tính khả thi. Nó khắc phục được tính cô độc hẹp hòi của các phong trào Cần Vương và Văn Thân, phong trào du kích của Hoàng Hoa Thám, tính ảo tưởng trong con đường của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh chỉ gắn công cuộc giải phóng dân tộc với sự giúp đỡ tưởng tượng của độc một đất nước không thân thiện hoặc thù địch thôi; tính biệt lập của con đường hội kín, bất ngờ nổi dậy của Nguyễn Thái Học. Nó bảo đảm tăng cường gấp bội sức mạnh của cách mạng Việt Nam dựa vào lực lượng của quảng đại quần chúng nhân dân và là con đường kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh quốc tế không thể thiếu được để thực hiện thắng lợi công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam của Hồ Chí Minh. Nó là con đường bảo đảm điều kiện quốc tế cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng và chấn hưng dân tộc mà Hồ Chí Minh trước sau kiên trì với nội dung mở trong suốt cả cuộc đời cách mạng của mình sau đó cho đến lúc qua đời.

Chúng ta cũng chứng kiến sự bừng nở trong tư tưởng của Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc sau đó. Những kinh nghiệm sống phong phú, những giá trị của dân tộc và nhân loại mà Hồ Chí Minh đã hấp thu được cộng với những giá trị mới mà Hồ Chí Minh cảm nhận được qua bản Luận cương của Lênin cũng như các tác phẩm tiến bộ khác sau đó, đã tạo nên sự bừng nở tư tưởng này. Ngoài những luận điểm cụ thể hóa và phát triển những nguyên lý đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh còn sáng tạo bổ sung nhiều tư tưởng và nguyên lý mới hoặc có nhân tố mới, làm giàu thêm kho tàng lý luận về vấn đề

dân tộc và giải phóng dân tộc, tạo cơ sở ban đầu cho sự sáng tạo, khám phá mới về sau của mình trong quá trình tìm tòi con đường giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân, giải phóng xã hội và giải phóng con người ở Việt Nam.

Có thể nêu làm ví dụ những luận điểm thuộc loại thứ nhất đại thể như sau:

- “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”. “Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được”⁽⁴⁾.

- Muốn cách mệnh “trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”⁽⁵⁾.

- “Cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”. “Muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng làm gốc”, “công nông là gốc cách mệnh”⁽⁶⁾.

- “Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ

⁽⁴⁾ Hồ Chí Minh. Sdd., t. 2, tr. 181, 187.

^{(5), (6)} Hồ Chí Minh. Sdd., t. 2, tr. 188, 189, 181, 187, 207.

nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta (nhân dân các nước thuộc địa và nhân dân bị áp bức ở chính quốc) là thống nhất”. “Chúng ta cùng nhau đấu tranh cho công cuộc giải phóng chung”⁽⁷⁾.

- “Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước Việt Nam độc lập* lại phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp”⁽⁸⁾.

- “Cách mạng Việt Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân Việt Nam cả. Đã là đồng chí thì sung sướng cực khổ phải có nhau. Hướng chi, dân Việt Nam là đương lúc tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa Pháp, chắc là về sau sẽ có nhiều người cách mệnh phải hy sinh, phải khốn khổ, phải cần anh em trong thế giới giúp giùm”⁽⁹⁾.

Những luận điểm thuộc loại thứ hai trên đại thể gồm có:

- “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”, “công cuộc giải phóng anh em (ở các thuộc địa) chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”⁽¹⁰⁾.

- “Như Việt Nam đỏi Pháp... ấy là dân tộc cách mệnh”⁽¹¹⁾.

- “Dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền”⁽¹²⁾.

- “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai cái vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”⁽¹³⁾.

- “Cái ngày mà hàng trăm triệu người dân châu Á bị đọa đày và đàn áp sẽ thức tỉnh để tự rũ bỏ khỏi sự bóc lột ti tiện của vài tên thực dân tham lam vô độ, họ sẽ tạo thành một sức mạnh vĩ đại và sẽ có thể trong khi loại bỏ một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc - giúp đỡ các anh em phương Tây của họ trong sự nghiệp giải phóng hoàn toàn”⁽¹⁴⁾.

- “Việt Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc Việt Nam sẽ được tự do”⁽¹⁵⁾.

- “Không có gì quý hơn độc lập tự do”⁽¹⁶⁾.

- “Chúng ta hy sinh làm cách mệnh thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”⁽¹⁷⁾.

(13) Hồ Chí Minh. Sđd., t. 1, tr. 454.

(14) Nguyễn Ái Quốc: Đông Dương, Tạp chí Cộng sản, số 1 năm 1990, tr. 32.

(15), (17) Hồ Chí Minh. Sđd., t. 2, tr. 186, 192.

(16) Hồ Chí Minh. Sđd., t. 10, tr. 375.

(7), (10) Hồ Chí Minh. Sđd., t. 1, tr. 466, 462, 465.

(8), (9), (11) Hồ Chí Minh. Sđd., t. 2, tr. 298, 233, 186.

(12) Hồ Chí Minh. Sđd., t. 2, tr. 186, 186, 192.

Qua những đoạn trích trên, chúng ta thấy, Hồ Chí Minh đã tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin qua bộc lộ của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, theo nhu cầu của cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân Việt Nam, đã vận dụng sáng tạo những giá trị sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tế và có ích cho công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân Việt Nam. Đồng thời, chúng ta cũng thấy, Hồ Chí Minh tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin với một thái độ chân thành nhưng với tinh thần thực sự cầu thị rất cao. Ví dụ: cùng trong tác phẩm “*Đường cách mệnh*”, Hồ Chí Minh đã nêu rõ cách mạng tư sản Mỹ và Pháp đều là cách mạng không đến nơi, trong thế giới lúc bấy giờ chỉ có cách mạng Nga là đã thành công và thành công đến nơi. Với chủ trương Việt Nam cũng phải làm cách mạng đến nơi, song khi đó, Hồ Chí Minh xác định cách mạng Việt Nam là cách mạng dân tộc, chứ chưa phải là cách mạng vô sản xã hội chủ nghĩa. Rõ ràng, tư tưởng chiến lược phải làm cách mạng đến nơi thì đã hình thành, nhưng con đường cụ thể để thực hiện tư tưởng chiến lược đó thì. Và, sự khám phá ra con đường bảo đảm làm cách mạng đến nơi trong điều kiện khởi đầu là cách mạng dân tộc nhưng không đốt cháy giai đoạn mà sau này Hồ Chí Minh đã đưa ra, thực sự là một khám phá vĩ đại, thiên tài.

Chúng ta càng thấy những quan điểm mới của Hồ Chí Minh lúc đó quý báu và có ý nghĩa to lớn như thế nào, nếu chúng ta tự đặt mình vào bối cảnh quốc nội, quốc tế đầu những năm 20 của thế kỷ XX.

Thứ nhất, ở trong nước, tất cả các cuộc nổi dậy, các con đường cứu nước đều đã

thất bại, đất nước đang trong tình trạng khủng hoảng về tư tưởng và con đường giải phóng dân tộc. Thời thế đã thay đổi nhưng xã hội vẫn chìm ngập trong vũng bùn hệ tư tưởng phong kiến cũ đã lỗi thời. Những tư tưởng tư sản mới cũng không có điều kiện phát huy tác dụng như là cứu cánh của dân tộc. Chúng ta càng thấy rõ vai trò của Hồ Chí Minh có ý nghĩa như thế nào khi biết rằng, trong thời gian đó, cũng có nhiều người Việt Nam sang Pháp, nhưng chỉ riêng có Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản và hơn nữa, là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam; đồng thời là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Nguyên nhân trực tiếp là do Người nhận thấy rằng, chỉ có Quốc tế Cộng sản dưới sự lãnh đạo của Lenin mới là tổ chức ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. Không thể nói khác được rằng, đây là một sự phát hiện lớn, có ý nghĩa lịch sử đối với đất nước, đối với dân tộc. Bởi vì, việc lựa chọn này của Hồ Chí Minh là con đường duy nhất lúc đó có thể sản sinh và làm tăng gấp bội sức mạnh của cách mạng Việt Nam do có sự ủng hộ - sự ủng hộ duy nhất có thể có - của phong trào công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Đây là nhân tố khởi đầu góp phần quyết định dẫn cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn.

Thứ hai, trong khi chủ trương chung của Quốc tế Cộng sản là đề cao vai trò của chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, trong khi Đông Dương được coi là một thực thể thuộc địa, thì Hồ Chí Minh lúc đó đang ở Mátxcơva đã xuất phát từ tình hình thực tế, coi Việt Nam là một thực thể thuộc địa và dũng cảm đưa ra

quan điểm: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”, vì vậy, “giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ”⁽¹⁸⁾. Chính quan điểm này là điểm xuất phát cho việc xác định chiến lược, sách lược đúng đắn về sau của Hồ Chí Minh.

Thứ ba, đi theo Quốc tế Cộng sản và tuyên bố tán thành cách mạng thế giới của Quốc tế Cộng sản, biết rất rõ con đường Cách mạng vô sản xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga được tuyệt đối khẳng định trong Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh vẫn chủ trương làm “Việt Nam dân tộc cách mệnh”, thực hiện “nước Việt Nam độc lập”. Hồ Chí Minh cho rằng, con đường cứu nước giải phóng dân tộc chỉ có thể xác định cho mỗi quốc gia - dân tộc. Chân lý “không có gì quý hơn độc lập, tự do” là chân lý phổ biến phù hợp với mọi quốc gia - dân tộc. (Bởi vì, quyền dân tộc nói chung, quyền độc lập dân tộc nói riêng, là quyền tự nhiên của mọi quốc gia - dân tộc; quyền tự do dân chủ cũng là quyền tự nhiên của nhân dân tất cả quốc gia - dân tộc trong thế giới hiện đại). Điều này cực kỳ quan trọng và rất chính xác về mặt khoa học. Chúng ta thấy Hồ Chí Minh sau đó đã kiên trì quan điểm của mình như thế nào khi hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ tư, những khám phá mới của Hồ Chí Minh tuy chỉ là bước đầu và chủ yếu giới hạn trong vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc, nhưng vô cùng quan trọng.

Những khám phá này là nhân tố quyết định trực tiếp bảo đảm phát huy tác dụng của việc lựa chọn con đường kết hợp cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân và giải phóng dân tộc trên phạm vi quốc tế và đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn.

Chúng ta có thể thấy rõ điều này khi so sánh quan điểm của Hồ Chí Minh với quan điểm của Quốc tế Cộng sản. Theo quan điểm chung của Quốc tế Cộng sản thì cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phải phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở các nước chính quốc. Trong Tuyên ngôn thành lập của Quốc tế Cộng sản năm 1919 có viết: “Công nhân và nông dân không những ở An Nam, Angiêri... mà cả ở Ba Tư hay Ácmêni chỉ có thể được độc lập khi mà công nhân nước Anh và nước Pháp nắm chính quyền trong tay”⁽¹⁹⁾. Còn Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản (tháng 9 - 1928) thì ghi: “chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến”⁽²⁰⁾. Theo đường lối này, thì đương nhiên phải coi cách mạng vô sản và sự thắng lợi của cách mạng vô sản ở các nước tư bản chính quốc như Anh, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha... là điều kiện tất yếu *có trước* của việc giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa chiếm phần lớn đất đai và dân số trên thế giới lúc đó. Và như vậy thì đương nhiên là lực lượng cách mạng ở những nước thuộc địa này trước hết phải coi việc hỗ trợ cho những cuộc cách mạng vô sản

⁽¹⁸⁾ Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995, tr. 466, 467.

⁽¹⁹⁾, ⁽²⁰⁾ Xem: Tạp chí Lịch sử Đảng, số 2 - 1993, tr. 17.

xã hội chủ nghĩa của các nước tư bản chính quốc là nhiệm vụ trung tâm của mình, là nhiệm vụ tiên quyết của sự nghiệp giải phóng dân tộc của mình. Vậy mà Hồ Chí Minh đã đưa ra luận điểm coi cách mạng giải phóng dân tộc ngang tầm với cách mạng vô sản ở các nước tư bản, và hơn thế nữa, còn cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc có thể giành thắng lợi *trước* cách mạng vô sản ở các nước chính quốc. Và, xu thế giải phóng dân tộc, hơn nữa là sự thực hiện độc lập dân tộc trên phạm vi thế giới khi cách mạng vô sản quốc tế chưa diễn ra, đã chứng minh tính khoa học và tầm quan trọng mang tính thời đại của tư tưởng đã nêu trên của Hồ Chí Minh như thế nào.

Chúng ta cũng biết rằng, quan điểm chung của Quốc tế Cộng sản là coi tiến hành đấu tranh giai cấp và thực hiện chuyên chính vô sản là nhiệm vụ cơ bản của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, kể cả phong trào cộng sản và công nhân ở các nước thuộc địa. Vậy mà, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”, “dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp”, để từ đó, coi trung tiểu địa chủ, tư sản dân tộc đều là bầu bạn của công nông và đi đến chủ trương đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc để tiến hành cách mạng. Hơn nữa, trong khi quan điểm chung của Quốc tế Cộng sản đặt lợi ích dân tộc dưới lợi ích giai cấp vô sản quốc tế, thì Hồ Chí Minh đã đặt lợi ích dân tộc cao hơn hết thảy và điều này hoàn toàn không mâu thuẫn với lợi ích của phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Sự giải phóng dân tộc Việt Nam chắc chắn sẽ là nhân tố tích

cực thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc và giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động trên thế giới. Trong thư “*Kính cáo đồng bào*” ký tên Nguyễn Ái Quốc (ngày 06 - 6 - 1941), Hồ Chí Minh còn động viên cả tinh thần đấu tranh chống thực dân Pháp trong 80 năm và hơn thế nữa, cả truyền thống yêu nước, đoàn kết dân tộc được hình thành và tôi luyện trong hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong thư trên, Hồ Chí Minh không chỉ kêu gọi sĩ, nông, công, thương, binh, mà còn kêu gọi cả các bậc phụ huynh, các bậc hiền nhân, chí sĩ, các bậc phú hào – kêu gọi toàn thể *đồng bào* thực hiện “*Toàn dân đoàn kết*” đánh đuổi thực dân Pháp và phát xít Nhật, giành lại độc lập dân tộc: “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*, (chúng tôi nhấn mạnh - N.H.) Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng.

Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề”⁽²¹⁾.

Có thể nói, *giải phóng nhân dân* là tư tưởng đã định hình ngay từ đầu trong tư duy cách mạng của Hồ Chí Minh. Điều này

(21) Hồ Chí Minh. Sđd, t. 3, tr. 198.

được thể hiện trong quan điểm “làm cách mạng thì nên làm đến nơi” trong tác phẩm “*Đường cách mệnh*” (1927) của Người. Nó không chỉ có nghĩa là đã làm cách mạng thì phải làm triệt để, mà chủ yếu là ở chỗ, “làm sao cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người”. Nói cụ thể, cách mạng Việt Nam không chỉ có nhiệm vụ lịch sử giải phóng dân tộc thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp, giành lại độc lập thống nhất cho đất nước, mà còn phải thực hiện nhiệm vụ lịch sử giải phóng nhân dân, giành quyền chính trị (chính quyền) và kinh tế cho nhân dân, chứ không phải cho bất kỳ số ít bọn phong kiến hoặc tư bản nào thống trị và bóc lột, áp bức nhân dân. Như thế mới khỏi phải hy sinh làm cách mạng nhiều lần, nhân dân mới được hưởng hạnh phúc. Đây chính là nguồn gốc tư tưởng “lấy dân làm gốc” của Hồ Chí Minh. Sau Cách mạng tháng Tám, Người đã phát biểu rất rõ tư tưởng này trong tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*” (1947): “Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác. Cho nên Đảng phải ra sức tổ chức nhân dân, lãnh đạo nhân dân để *giải phóng nhân dân* và để nâng cao sinh hoạt, văn hóa, chính trị của nhân dân. Vì toàn dân tộc giải phóng, tức Đảng được giải phóng”. Và hai năm sau, trong bài “*Dân vận*” bất hủ, Người nêu rõ: Nước ta là nước dân chủ mọi lợi ích, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân - đều là dân, do dân và vì dân. Có nghĩa, đều thể hiện sự *giải phóng nhân dân*. Có thể nói, chính những tư tưởng này là nhân tố quyết định

con đường giải phóng dân tộc, thực hiện dân chủ nhân dân, để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, là con đường hợp với phép biện chứng, hợp quy luật mà Đảng đã xác định ở Đại hội lần thứ II không lâu sau đó.

Chúng ta cũng chứng kiến, do những khám phá về mặt lý luận và đường lối giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân mà Hồ Chí Minh đã quy tụ được cả ở dân tộc dưới ngọn cờ cứu nước của mình, động viên đoàn kết được toàn dân tiến hành cuộc đấu tranh vô cùng oanh liệt, đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến chỗ giành thắng lợi trước cách mạng vô sản Pháp và mở ra kỷ nguyên giải phóng và độc lập dân tộc trên phạm vi toàn thế giới ở thế kỷ XX.

Dương nhiên, những giá trị mới mà Hồ Chí Minh bước đầu khám phá đã phát huy tác dụng to lớn trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc. Chúng vẫn giữ nguyên giá trị trong điều kiện của thời đại mới ngày nay và vẫn phát huy tác dụng cùng với những khám phá mới khác của Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng một nước Việt Nam định hướng xã hội chủ nghĩa, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, từng bước tiến nhanh đến mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Bài học mà Hồ Chí Minh ngay từ đầu đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân là: giải phóng tư tưởng, xuất phát từ thực tế, độc lập tự chủ trong tư duy, lấy thực tiễn và lợi ích chân chính của Tổ quốc, của nhân dân làm thước đo chân lý duy nhất. □